

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 34

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày cấp</i>
Đăng ký thay đổi lần thứ 2	15 tháng 06 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 3	17 tháng 12 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 4	28 tháng 02 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 5	17 tháng 11 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 6	10 tháng 05 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- ▶ Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng khác;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- ▶ Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- ▶ Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- ▶ Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty có trụ sở chính tại số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

### CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam, một công ty con của Công ty, đề ngày 17 tháng 7 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của công ty con này đã thông qua việc tăng vốn cổ phần với tổng giá trị là 35 tỷ đồng Việt Nam thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 1:0.35 cho các cổ đông hiện hữu.

Căn cứ theo nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất việc không tham gia góp vốn để tăng vốn điều lệ của công ty con này theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2010.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Ngô Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Viện	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Trần Bá Phúc  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 3 năm 2011



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>941.042.333.306</b>	<b>643.836.764.241</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>64.618.264.464</b>	<b>14.098.364.472</b>
111	1. Tiền		24.618.264.464	14.098.364.472
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>435.321.930.053</b>	<b>391.432.820.294</b>
131	1. Phải thu khách hàng		262.210.216.997	236.108.063.804
132	2. Trả trước cho người bán		50.569.689.653	73.352.449.652
133	3. Phải thu từ các bên liên quan	25	122.043.439.018	80.977.825.926
135	4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5	9.021.886.542	4.234.934.050
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.523.302.157)	(3.240.453.138)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>429.429.240.040</b>	<b>229.214.448.795</b>
141	1. Hàng tồn kho		430.249.077.520	243.163.025.728
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(819.837.480)	(13.948.576.933)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.672.898.749</b>	<b>9.091.130.680</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.605.034.882	1.080.630.414
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	513.099.219
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.067.863.867	7.497.401.047
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>356.373.828.149</b>	<b>234.545.703.688</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>263.218.807.265</b>	<b>149.247.577.856</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	135.590.922.594	72.955.713.481
222	Nguyên giá		340.130.483.735	250.470.788.792
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(204.539.561.141)	(177.515.075.311)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	127.627.884.671	76.291.864.375
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>67.025.698.558</b>	<b>73.898.041.396</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		51.000.000.000	51.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		18.734.712.000	18.734.712.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.600.000.000	6.100.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.309.013.442)	(1.936.670.604)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>26.129.322.326</b>	<b>11.400.084.436</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	15.842.883.848	11.400.084.436
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	10.286.438.478	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.297.416.161.455</b>	<b>878.382.467.929</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>518.435.818.194</b>	<b>337.691.723.595</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>508.439.749.394</b>	<b>337.095.660.075</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	299.544.056.060	211.578.707.534
312	2. Phải trả người bán		81.639.504.362	34.885.910.619
313	3. Người mua trả tiền trước		1.591.035.776	521.361.901
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	35.881.843.456	17.109.789.089
315	5. Phải trả người lao động		17.083.823.515	19.154.137.480
316	6. Chi phí phải trả	15	37.758.046.247	41.813.405.605
317	7. Phải trả các bên liên quan	25	22.059.580.183	-
	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	10.050.951.793	10.293.307.354
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.830.908.002	1.739.040.493
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.996.068.800</b>	<b>596.063.520</b>
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		9.996.068.800	596.063.520
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>778.980.343.261</b>	<b>540.690.744.334</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>778.980.343.261</b>	<b>540.690.744.334</b>
411	1. Vốn cổ phần	18.1, 18.3	216.689.980.000	216.689.980.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển	18.6	175.139.331.251	83.954.434.599
418	3. Quỹ dự phòng tài chính	18.6	24.608.144.516	9.410.661.741
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		362.542.887.494	230.635.667.994
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.297.416.161.455</b>	<b>878.382.467.929</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.264.127.846	3.470.263.980
2. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	42.378	119.022

*Mucceed*

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên



Ngày 25 tháng 03 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

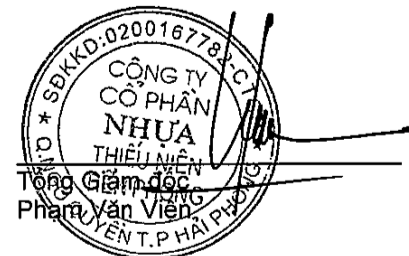
Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	1.954.712.781.533	1.494.546.120.495
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(2.603.672.116)	(2.698.366.034)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	1.952.109.109.417	1.491.847.754.461
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(1.298.226.683.031)	(945.093.789.822)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		653.882.426.386	546.753.964.639
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	3.953.087.655	8.337.611.048
22	7. Chi phí tài chính	21	(28.731.401.937)	(25.445.957.594)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(16.319.179.910)	(11.797.427.682)
24	8. Chi phí bán hàng		(187.464.953.361)	(139.616.760.199)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(75.354.289.962)	(39.191.716.785)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		366.284.868.781	350.837.141.109
31	11. Thu nhập khác	22	833.438.628	2.258.228.510
32	12. Chi phí khác	22	(601.203.281)	(3.475.444.752)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	22	232.235.347	(1.217.216.242)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		366.517.104.128	349.619.924.867
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(63.890.880.193)	(45.670.269.361)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.3	10.286.438.478	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		312.912.662.413	303.949.655.506

*Nguyễn Trung Kiên*

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên

Ngày 25 tháng 03 năm 2011



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>366.517.104.128</b>	<b>349.619.924.867</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ		27.709.129.512	24.010.346.032
03	Các khoản dự phòng		3.926.457.684	15.165.699.686
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21	4.304.618.035	2.887.333.101
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		74.304.170	765.964.498
06	Chi phí lãi vay	21	16.319.179.910	11.797.427.682
	Thu nhập lãi tiền gửi	19.2	(1.998.819.024)	(2.177.975.107)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>416.851.974.415</b>	<b>402.068.720.759</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(51.753.726.847)	(172.900.617.178)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(187.086.051.792)	28.488.171.810
11	Tăng các khoản phải trả		43.578.782.695	24.331.914.898
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(4.442.799.412)	14.489.496.778
13	Tiền lãi vay đã trả		(16.319.179.910)	(11.797.427.682)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(41.207.299.939)	(85.947.035.212)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.180.308.376)	(13.672.051.001)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>129.441.390.834</b>	<b>185.061.173.172</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(124.034.313.941)	(68.942.435.715)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		291.269.584	1.292.071.861
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		(2.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		4.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(16.336.512.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.998.819.024	2.177.975.107
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(119.244.225.333)</b>	<b>(81.808.900.747)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		933.295.075.300	777.302.984.720
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(849.634.344.809)	(804.986.164.049)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.4	(43.337.996.000)	(103.998.298.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>40.322.734.491</b>	<b>(131.681.478.129)</b>
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		<b>50.519.899.992</b>	<b>(28.429.205.704)</b>
60	Tiền đầu năm		<b>14.098.364.472</b>	<b>42.575.078.383</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	<b>(47.508.207)</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<b>64.618.264.464</b>	<b>14.098.364.472</b>

*Nguyễn Trung Kiên*

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên



Ngày 25 tháng 03 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Đăng ký thay đổi lần thứ 2	15 tháng 06 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 3	17 tháng 12 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 4	28 tháng 02 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 5	17 tháng 11 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 6	10 tháng 05 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- ▶ Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng khác;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- ▶ Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- ▶ Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- ▶ Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty có trụ sở chính tại số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 872 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 747).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam ("công ty con"). Công ty con được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 09 năm 2007. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng**

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập cho mục đích báo cáo cho các cơ quan nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong có công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập và công bố các báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 09/2010/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập và công bố các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày ("các báo cáo tài chính hợp nhất"). Các báo cáo tài chính hợp nhất này đã được phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2011.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng nên đọc các báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

*Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:*

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chứng từ.

**2.4 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đồng tiền kế toán**

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 20 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong vòng từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 Đầu tư vào các công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.8 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.9 Đầu tư vào liên doanh**

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### **3.10 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Công ty trong năm.

#### **3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **3.12 Chi phí lương phải trả người lao động**

Chi phí lương phải trả người lao động của Công ty được trích và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty dựa theo tỷ lệ trên tổng doanh thu bán hàng được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm (tỷ lệ được phê duyệt năm 2010 là 6,6% và năm 2009 là 6,6%).

#### **3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

#### **3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

<i>Nghệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo CMKTVN số 10</i>	<i>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.</li> <li>- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.</li> </ul>

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 26.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Nghệp vụ	Xử lý kế toán theo CMKTVN 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</li> <li>- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.</li> </ul>

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nếu Công ty áp dụng CMKTVN số 10 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 30.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu của các cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 đến 3 tuần tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và Ngân hàng Cổ phần Công Thương Việt Nam với lãi suất năm từ 3,5% đến 10,7%.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	7.693.871.611	2.073.679.304
Phải thu khác	1.328.014.931	2.161.254.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.021.886.542</b>	<b>4.234.934.050</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng mua đang đi trên đường	67.866.727.500	13.896.208.000
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	211.406.324.674	153.127.836.391
Công cụ, dụng cụ	2.151.983.287	1.979.139.924
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.968.151.517	24.395.742.946
Thành phẩm	108.855.890.542	49.764.098.467
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>430.249.077.520</b>	<b>243.163.025.728</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	13.948.576.933	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	819.837.480	13.948.576.933
Trừ: Thanh lý trong năm	(1.054.608.907)	-
Hoàn nhập trong năm	(12.893.968.026)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	819.837.480	13.948.576.933

**7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	513.099.219
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>513.099.219</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	1.595.706.780	1.163.382.193
Đặt cọc mở thư tín dụng tại ngân hàng	3.472.157.087	6.334.018.854
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.067.863.867</b>	<b>7.497.401.047</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	317.292.083	86.230.726
Tiền gửi ngân hàng	24.300.972.381	14.012.133.746
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.618.264.464</b>	<b>14.098.364.472</b>

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VNĐ	
								Tổng cộng	
<b>Nguyên giá:</b>									
Số dư đầu năm	25.692.872.643	212.907.486.956	7.197.009.133	4.673.420.060	250.470.788.792				
- Mua trong năm	-	10.722.602.994	2.439.511.677	824.383.779	13.986.498.450				
- Đầu tư XD CB hoàn thành	38.298.061.918	33.028.271.636	5.397.080.375	-	76.723.413.929				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(924.828.357)	-	(125.389.079)	(1.050.217.436)				
Số dư cuối năm	63.990.934.561	255.733.533.229	15.033.601.185	5.372.414.760	340.130.483.735				
<b>Giá trị hao mòn:</b>									
Số dư đầu năm	13.176.725.212	157.915.092.531	3.022.871.448	3.400.386.120	177.515.075.311				
Khấu hao trong năm	2.253.515.778	23.814.787.025	1.024.432.789	616.393.920	27.709.129.512				
Thanh lý, nhượng bán	-	(561.869.361)	-	(122.774.321)	(684.643.682)				
Số dư cuối năm	15.430.240.990	181.168.010.195	4.047.304.237	3.894.005.719	204.539.561.141				
<b>Giá trị còn lại:</b>									
Số dư đầu năm	12.516.147.431	54.992.394.425	4.174.137.685	1.273.033.940	72.955.713.481				
Số dư cuối năm	48.560.693.571	74.565.523.034	10.986.296.948	1.478.409.041	135.590.922.594				
<b>Trong đó:</b>									
Đã khấu hao hết	8.069.040.375	105.814.020.441	2.173.418.974	2.515.694.206	118.572.173.996				
Tài sản sử dụng để thế chấp	7.534.632.270	32.493.701.808	-	-	40.028.334.078				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 40.028.334.078 đồng Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC và 02/HĐTC ngày 12 tháng 05 năm 2010 (xem Thuyết minh số 13).

Công ty đang thực hiện dự án di chuyển cơ sở sản xuất kinh doanh tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng. Trong năm 2010, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục xây lắp và máy móc thiết bị có giá trị lần lượt là 38 tỷ đồng Việt Nam và 10 tỷ đồng Việt Nam. Việc đầu tư vào các hạng mục xây lắp nhà xưởng và máy móc thiết bị tiếp theo đang tiếp tục được tiến hành.

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã chấp thuận chủ trương cho Công ty thực hiện dự án xây dựng khu cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo các công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 và đề nghị các đơn vị liên quan đề xuất báo cáo dự án nói trên. Theo đó, diện tích đất thuê hiện tại (32.426,7 m<sup>2</sup>) có thể sẽ được trả lại cho UBND Thành phố Hải Phòng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng và Công ty có thể phải chấm dứt quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với nhà xưởng và các công trình liên quan trên diện tích đất thuê đã nêu tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định này cũng có thể có ảnh hưởng đến việc xác định thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc trên diện tích đất thuê tại số 2, đường An Đà nêu trên. Do chưa có quyết định cụ thể của UBND Thành phố Hải Phòng về thời gian chính thức di dời nhà máy, Công ty chưa thể xác định lại thời gian sử dụng hữu ích còn lại của nhà cửa và vật kiến trúc và do đó, vẫn tiếp tục trích khấu hao các hạng mục tài sản này theo thời gian từ 5 năm đến 20 năm. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích còn lại của các tài sản trên, nếu có, là không đáng kể đối với các báo cáo tài chính riêng.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các hạng mục Dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	127.627.884.671	76.291.864.375
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.627.884.671</b>	<b>76.291.864.375</b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các chi phí xây lắp và mua sắm máy móc thiết bị liên quan đến dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000042 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 16 tháng 03 năm 2007 phê duyệt dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Đầu tư vào công ty con	51.000.000.000	51.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	2.398.200.000	2.398.200.000
Đầu tư vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát	16.336.512.000	16.336.512.000
Đầu tư dài hạn khác		
- Đầu tư cổ phiếu	1.600.000.000	1.600.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	4.500.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(4.309.013.442)	(1.936.670.604)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.025.698.558</b>	<b>73.898.041.396</b>

**11.1 Đầu tư vào công ty con**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam ("công ty con") được thành lập và hoạt động tại Khu Công nghiệp Đồng An II, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 09 năm 2007. Hoạt động chính của công ty con là sản xuất và mua bán các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 của công ty con tại ngày 17 tháng 7 năm 2010, Đại hội đồng Cổ đông của công ty này đã thông qua việc tăng vốn cổ phần với tổng giá trị là 35 tỷ đồng Việt Nam thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 1:0.35 cho các cổ đông hiện hữu. Căn cứ theo nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất việc không tham gia góp vốn để tăng vốn điều lệ của công ty con theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông sáng lập khác của công ty con đã góp bổ sung một phần giá trị vốn cam kết với tổng số tiền là 6 tỷ đồng Việt Nam. Tuy nhiên, do các thủ tục đăng ký tăng vốn bổ sung của công ty con chưa được hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty trong công ty con không thay đổi so với tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 51%. Công ty vẫn tiếp tục nắm giữ quyền kiểm soát trong công ty con này.

**11.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập và hoạt động tại số 2 An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 7 năm 2004. Công ty liên kết này được thành lập sau quá trình cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Vinapac (một đơn vị trực thuộc của Công ty) theo Quyết định số 235/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2003. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao xi-măng, bao giấy các loại, màng phức hợp và các sản phẩm nhựa khác. Công ty nắm 49,98% quyền biểu quyết trong công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**11.3 Đầu tư vào liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận đầu tư số 032/IB.VC do Ban Đầu tư Trong nước và Nước ngoài Thủ đô Viên-chấn của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng ống nhựa và các sản phẩm chất dẻo khác. Công ty nắm 51% quyền biểu quyết trong công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho sản xuất	15.842.883.848	11.400.084.436
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.842.883.848</b>	<b>11.400.084.436</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	299.544.056.060	211.578.707.534
- Vay bằng đồng Việt Nam	1.560.000.000	18.799.995.245
- Vay bằng đô la Mỹ	297.984.056.060	192.778.712.289
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>299.544.056.060</b>	<b>211.578.707.534</b>

**Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	<i>Gốc vay theo nguyên tệ</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>Đô la Mỹ</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền	250.910.773.980	13.253.263	Các khoản vay sẽ đáo hạn từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2011. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	6,5%/năm	30 tỷ VNĐ trong các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất nằm trên diện tích đất thuê 32.426 m <sup>2</sup> tại số 2 đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC và 02/HĐTC ngày 12 tháng 05 năm 2010; phần còn lại (220 tỷ VNĐ) là vay tín chấp.
Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC) – USD	15.353.852.000	811.000	Gốc và lãi vay đáo hạn ngày 25 tháng 1 năm 2011.	5,055%/năm	Tín chấp.
Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC) – VNĐ	1.560.000.000	-	Gốc và lãi vay đáo hạn ngày 25 tháng 1 năm 2011	15,85%/năm	Tín chấp.
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ	31.719.430.080	3.898.440	Tiền gốc và lãi sẽ được trả một lần khi đáo hạn vào tháng 7 và tháng 8 năm 2011.	4,8 - 5,1%/năm	Đảm bảo bằng tất cả các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng, bao gồm cả các tài khoản tiền gửi vào ngày và sau ngày ký thỏa thuận thế chấp.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>299.544.056.060</b>	<b>17.962.703</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	5.374.718.988
Thuế xuất, nhập khẩu	854.250.937	2.026.575.980
Thuế thu nhập cá nhân	4.478.957.779	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	30.548.634.740	7.865.054.486
Các loại thuế khác	-	1.843.439.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.881.843.456</b>	<b>17.109.789.089</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thường khuyến mại	31.749.669.138	39.355.001.569
Phải trả các nhà thầu	1.852.261.000	1.852.261.000
Phải trả chi phí vận chuyển	2.605.319.502	-
Chi phí phải trả khác	1.550.796.607	606.143.036
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.758.046.247</b>	<b>41.813.405.605</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội	19.002.828	-
Bảo hiểm y tế	-	25.638.489
Bảo hiểm thất nghiệp	164.149	-
Kinh phí công đoàn	1.913.284.668	1.124.005.604
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.062.560.000	3.749.928.428
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	2.023.018.453	3.394.817.800
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	32.921.695	1.998.917.033
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.050.951.793</b>	<b>10.293.307.354</b>

Các khoản vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên được thực hiện dưới hình thức tín chấp và có lãi suất năm từ 9,6% đến 12% và nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	1.739.040.493	1.896.717.495
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 18.1)	27.276.475.886	9.000.000.000
Sử dụng trong năm	(26.184.608.377)	(9.157.677.002)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.830.908.002</b>	<b>1.739.040.493</b>

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>					
Số dư đầu năm	216.689.980.000	37.632.151.323	1.690.281.195	98.241.349.109	354.253.761.627
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	303.949.655.506	303.949.655.506
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	46.322.283.276	7.720.380.546	(54.042.663.822)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	(103.998.298.800)	(103.998.298.800)
- Thường Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.499.700.000)	(4.499.700.000)
- Giảm khác	-	-	-	(14.673.999)	(14.673.999)
Số dư cuối năm	216.689.980.000	83.954.434.599	9.410.661.741	230.635.667.994	540.690.744.334
<b>Năm nay:</b>					
Số dư đầu năm	216.689.980.000	83.954.434.599	9.410.661.741	230.635.667.994	540.690.744.334
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	312.912.662.413	312.912.662.413
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	91.184.896.652	15.197.482.775	(106.382.379.427)	-
- Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(27.276.475.886)	(27.276.475.886)
- Chia cổ tức	-	-	-	(43.337.996.000)	(43.337.996.000)
- Thường Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.995.700.000)	(3.995.700.000)
- Giảm khác	-	-	-	(12.891.600)	(12.891.600)
Số dư cuối năm	216.689.980.000	175.139.331.251	24.608.144.516	362.542.887.494	778.980.343.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 4 năm 2010, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Tỷ lệ trên lợi nhuận sau thuế năm 2009	Số tiền
Trích quỹ đầu tư phát triển	30.00%	91.184.896.652
Trích quỹ dự phòng tài chính	5.00%	15.197.482.775
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.276.457.885
Chi trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông bằng tiền đợt 1 và đợt 2	30.00%	65.006.994.000
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	0.65%	1.975.672.760
Thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc 2% trên số lợi nhuận vượt kế hoạch		2.898.993.110
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>197.540.497.182</b>

Công ty đã tạm chi trả toàn bộ cổ tức của năm 2009 cho các cổ đông và một phần tiền thưởng và thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2009. Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 và chi trả phần tiền thưởng và thù lao còn lại cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với mức chi trả bằng 20% vốn góp (1 cổ phần được nhận 2.000 đồng Việt Nam). Theo đó, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 1 cho năm 2010 với tổng số tiền là 43.337.996.000 đồng Việt Nam căn cứ theo Quyết định số 61/QĐ-HĐQT được ban hành bởi Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 9 năm 2010.

Trong năm 2010, Công ty cũng đã tạm trích bổ sung quỹ khen thưởng và phúc lợi với số tiền là 6 tỷ đồng Việt Nam căn cứ theo Quyết định số 78/QĐ-HĐQT do Hội đồng Quản trị của Công ty ban hành ngày 1 tháng 12 năm 2010. Mức trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi thực tế từ lợi nhuận của năm 2010 sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt trong năm 2011.

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm			Đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	21.668.998	21.668.998	-	21.668.998	21.668.998	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.668.998</b>	<b>21.668.998</b>	<b>-</b>	<b>21.668.998</b>	<b>21.668.998</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	216.689.980.000	216.689.980.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>216.689.980.000</u>	<u>216.689.980.000</u>
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>103.998.298.800</b>

**18.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm kế toán</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>103.998.298.800</b>
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>43.337.996.000</i>	<i>103.998.298.800</i>
Cổ tức cho năm 2008: 1.800 VNĐ/cổ phiếu		38.991.304.800
Cổ tức cho năm 2009: 3.000 VNĐ/cổ phiếu	-	65.006.994.000
Cổ tức cho năm 2010: 2.000 VNĐ/cổ phiếu	43.337.996.000	-
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cổ tức đã trả trong năm kế toán</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>103.998.298.800</b>
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>43.337.996.000</i>	<i>103.998.298.800</i>
Cổ tức đợt 2 cho năm 2008	-	38.991.304.800
Tạm chia cổ tức đợt 1 và đợt 2 cho năm 2009	-	65.006.994.000
Tạm chia cổ tức đợt 1 cho năm 2010	43.337.996.000	-
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

**18.5 Cổ phiếu**

	Năm nay		Năm trước	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.668.998</i>	<i>216.689.980.000</i>	<i>21.668.998</i>	<i>216.689.980.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>21.668.998</i>	<i>216.689.980.000</i>	<i>21.668.998</i>	<i>216.689.980.000</i>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.668.998</u></b>	<b><u>216.689.980.000</u></b>	<b><u>21.668.998</u></b>	<b><u>216.689.980.000</u></b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2009: 10.000 đồng Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư và phát triển	175.139.331.251	83.954.434.599
Quỹ dự phòng tài chính	24.608.144.516	9.410.661.741
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.747.475.767</b>	<b>93.365.096.340</b>

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.954.712.781.533</b>	<b>1.494.546.120.495</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.954.712.781.533	1.494.546.120.495
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.603.672.116)</b>	<b>(2.698.366.034)</b>
Hàng bán bị trả lại	(1.847.865.207)	(2.698.366.034)
Giảm giá hàng bán	(755.806.909)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.952.109.109.417</b>	<b>1.491.847.754.461</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng	1.952.109.109.417	1.491.847.754.461

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.998.819.024	2.177.975.107
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.954.268.631	6.159.635.941
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.953.087.655</b>	<b>8.337.611.048</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.311.355.422.484	931.145.212.889
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập trong năm	819.837.480	13.948.576.933
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được sử dụng trong năm	(1.054.608.907)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong năm	(12.893.968.026)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.298.226.683.031</b>	<b>945.093.789.822</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	16.319.179.910	11.797.427.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.735.261.154	8.824.526.207
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.304.618.035	2.887.333.101
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2.372.342.838	1.936.670.604
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.731.401.937</b>	<b>25.445.957.594</b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>833.438.628</b>	<b>2.258.228.510</b>
Thu thanh lý tài sản	291.269.584	1.422.400.000
Thu nhập khác	542.169.044	835.828.510
<b>Chi phí khác</b>	<b>601.203.281</b>	<b>3.475.444.752</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	365.573.754	2.188.364.498
Chi phí khác	235.629.527	1.287.080.254
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>232.235.347</b>	<b>(1.217.216.242)</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.819.086.245.106	1.315.129.803.801
Chi phí nhân công	135.695.110.655	98.102.376.802
Chi phí khấu hao và khấu trừ	27.709.129.512	26.623.957.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.960.737.218	42.626.358.689
Chi phí chương trình khuyến mãi cho nhà phân phối	104.307.794.554	81.356.107.574
Chi phí khác	116.026.158.677	71.345.600.437
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.261.785.175.722</b>	<b>1.635.184.204.372</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.890.880.193	45.670.269.361
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(10.286.438.478)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.604.441.715</b>	<b>45.670.269.361</b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty bắt đầu chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 30 tháng 12 năm 2004. Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005 và 2006) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong ba năm tiếp theo (năm 2007, 2008 và 2009).

Bên cạnh đó, Công ty cũng được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong vòng 3 năm tính từ ngày cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (ngày 11 tháng 12 năm 2006), tức là các năm 2007, 2008 và 2009. Như vậy, Công ty đã áp dụng mức thuế ưu đãi miễn giảm là 100% trong việc kê khai, quyết toán thuế cho các năm 2007 và 2008.

Theo Biên bản thanh tra thuế cho năm 2007 và 2008 đề ngày 13 tháng 5 năm 2009, đoàn thanh tra của Cục thuế Thành phố Hải Phòng kết luận thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng cho Công ty trong các năm 2007 và 2008 chỉ là 50% và Công ty đã kê khai và nộp thiếu thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 với số tiền là 39.240.897.736 đồng Việt Nam. Đoàn thanh tra cũng kết luận số tiền phạt nộp chậm thuế và kê khai sai thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 là 7.909.830.287 đồng Việt Nam. Công ty đã nộp số thuế TNDN và khoản phạt thuế nêu trên cho Cục thuế Thành phố Hải Phòng trong năm 2009, và ghi nhận khoản tiền này như một khoản giảm trừ lợi nhuận giữ lại của năm 2008. Đồng thời, Công ty đã làm công văn đề xin hướng dẫn của Tổng Cục Thuế về vấn đề đã nêu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Theo Công văn 2380/TCT-PC đề ngày 5 tháng 7 năm 2010 do Tổng Cục Thuế gửi cho Công ty, Tổng Cục Thuế đã chấp thuận để Công ty được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là miễn 100% cho các năm 2007 và 2008. Theo đó, Cục thuế Thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 2018/QĐ-CT ngày 9 tháng 9 năm 2010 để hoàn lại số thuế 39.240.897.736 đồng Việt Nam bằng tiền cho Công ty. Căn cứ theo các văn bản nêu trên, Công ty đã ghi nhận khoản thuế đã nộp bổ sung cho các năm 2007 và 2008 (39.240.897.736 đồng Việt Nam) như một khoản giảm trừ chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính. Tính đến thời điểm lập các báo cáo này, Công ty chưa nhận được phản hồi từ Cục thuế thành phố Hải Phòng liên quan đến số tiền phạt thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 (7.909.830.287 đồng Việt Nam).

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>366.517.104.128</b>	<b>349.619.924.867</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>46.409.827.589</b>	<b>7.139.478.143</b>
Các khoản phạt	132.581.928	-
Khấu hao vượt mức của cơ quan thuế	914.741.587	-
Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi vượt hạn mức của cơ quan thuế	1.010.929.740	-
Thay đổi trong dự phòng trợ cấp thôi việc vượt hạn mức của cơ quan thuế	9.396.084.772	-
Chi phí khuyến mại trích trước trên doanh thu	31.749.669.138	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của các khoản mục ngoài các khoản phải trả	2.415.349.824	3.199.041.750
Chi phí không trực tiếp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	790.470.600	3.940.436.393
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(399.820.000)</b>	<b>-</b>
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(399.820.000)	-
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế</b>	<b>412.527.111.717</b>	<b>356.759.403.010</b>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>412.527.111.717</b>	<b>356.759.403.010</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	103.131.777.929	89.189.850.753
Thuế TNDN được giảm 50%	-	(43.519.581.392)
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành theo Công văn 2380/TCT-PC ban hành bởi Tổng cục Thuế ngày 5 tháng 7 năm 2010	(39.240.897.736)	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành sau điều chỉnh chi phí thuế</b>	<b>63.890.880.193</b>	<b>45.670.269.361</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>7.865.054.486</b>	<b>48.141.820.337</b>
<b>Thuế TNDN đã trả trong năm</b>	<b>(41.207.299.939)</b>	<b>(85.947.035.212)</b>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>30.548.634.740</b>	<b>7.865.054.486</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.3 Thuế TNDN hoãn lại**

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.349.021.193	-	2.349.021.193	
Chi phí khuyến mại trích trước	7.937.417.285	-	7.937.417.285	
	<b>10.286.438.478</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>			<b>10.286.438.478</b>	<b>-</b>

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Cho vay nguyên vật liệu	99.385.311.889 20.885.840.276 17.031.843.750
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Mua hàng Cho vay Cổ tức được chia	2.317.219.012 2.000.000.000 399.820.000
Công ty TNHH Nhựa Tiền Phong - SMP	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	Bán hàng	1.558.392.767
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	411.091.756.692

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường có trừ đi chiết khấu theo tỷ lệ quy định bởi Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 2.239.196.568 đồng Việt Nam cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Hương Minh, một bên liên quan, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: mức dự phòng là 0 đồng Việt Nam). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				Đơn vị tính: VNĐ
	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)	
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty con	Bán hàng	29.382.258.873	
		Cho vay nguyên vật liệu	9.668.844.081	
Công ty TNHH Nhựa Tiền Phong - SMP	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	Bán hàng	2.777.736.359	
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Cho vay	2.000.000.000	
Công ty TNHH Hương Minh	Chung thành viên hội đồng quản trị	Bán hàng	4.478.393.135	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	73.736.206.570	
			<b>122.043.439.018</b>	
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	(21.821.609.208)	
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền phong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(237.970.975)	
			<b>(22.059.580.183)</b>	

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

			Đơn vị tính: VNĐ
	Năm nay	Năm trước	
Lương và thưởng	8.449.676.056	3.500.691.318	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.449.676.056</b>	<b>3.500.691.318</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.13, trong năm 2010, Công ty đã tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo CMKTVN số 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201. Ảnh hưởng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>CMKTVN số 10</i>	<i>Thông tư 201</i>	<i>Chênh lệch</i>
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(4.304.618.035)	4.304.618.035
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	362.542.887.494	366.847.505.529	(4.304.618.035)
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh riêng</b>			
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(4.304.618.035)	(2.887.333.101)	(1.417.284.934)

## 27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

### *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê đất và kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu phải ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tiếp theo	1.988.000.000	800.730.000

Khoản cam kết thuê hoạt động trên bao gồm cam kết thuê diện tích đất 32.426,7 m<sup>2</sup> tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thuê đất được ký giữa UBND Thành phố Hải Phòng và Công ty khi còn là doanh nghiệp nhà nước, với phí thuê đất hàng năm là 1.200.000 đồng Việt Nam và cam kết thuê kho theo các hợp đồng ký với Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong và Công ty Cổ phần Giao nhận Ngoại thương Hải Phòng, với phí thuê kho hàng năm lần lượt là khoảng 138.000.000 đồng Việt Nam và 600.000.000 đồng Việt Nam. Các hợp đồng này không quy định thời hạn thuê cụ thể.

### *Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký kết một số hợp đồng xây dựng liên quan Dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng với tổng trị giá cam kết còn chưa thực hiện vào khoảng 13,2 tỷ đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính riêng của năm hiện tại như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 (đã được trình bày trước đây)	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Phân loại lại (được trình bày lại)	
Phải thu khách hàng	317.085.889.730	(80.977.825.926)	236.108.063.804
Phải thu từ các bên liên quan	-	80.977.825.926	80.977.825.926
Vay và nợ ngắn hạn	216.147.638.087	(4.568.930.553)	211.578.707.534
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.724.376.801	4.568.930.553	10.293.307.354

Ngoài ra, Công ty đã phân loại lại số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 1.739.040.493 đồng Việt Nam từ Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu sang khoản mục Nợ ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 - Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

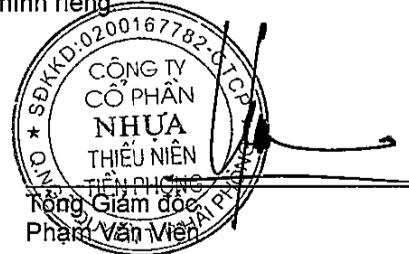
## 29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 4 tháng 1 năm 2011, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 và 2010 với tỷ lệ phát hành là 1:1 cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 28 tháng 1 năm 2011, Công ty đã hoàn thành việc phát hành số cổ phiếu thưởng nói trên và đã đăng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng.

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.



Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên



Ngày 25 tháng 03 năm 2011